

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHƯỚC
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 08/2023/DS-ST

Ngày: 13- 02-2023

V/v tranh chấp “Hợp đồng
vay tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Thanh Toàn.**

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Phạm Thị Thế Bằng.

- Ông Lê Văn Thưởng.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phan Văn Chung** –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước: Không tham gia phiên tòa.

Hôm nay, ngày 13 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 119/2022/TLST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2023/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 01 năm 2023; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Lâm Phú H1**, sinh năm 1969 (có mặt);

Địa chỉ: 746 D Lý Thường Kiệt, phường 5, thành phố M, Tiền Giang.

2. Bị đơn: Anh **Phạm Trúc C**, sinh năm 1983 (vắng mặt);

Địa chỉ: Khu phố 4, thị trấn P, huyện T, tỉnh Tiền Giang

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị **Nguyễn Thị Thu H2**, sinh năm 1971;

Địa chỉ: 746 D Lý Thường Kiệt, phường 5, thành phố M, Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 03-10-2022, nguyên đơn anh Lâm Phú H1 trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên tôi có cho anh Phạm Trúc C vay số tiền 60.000.000 đồng, hai bên có làm biên nhận vào ngày 20/01/2016, theo giấy biên nhận mượn tiền thì hai bên không thoả thuận lãi, anh C ký tên và ghi họ tên vào giấy biên nhận. Thời hạn vay tiền là 01 tháng, nhưng đến thời hạn 01 tháng, anh C không trả số tiền trên mà C có xin với tôi gửi tiền cà phê như là đóng lãi mỗi tháng 3.000.000 đồng, anh C đóng được 10 tháng với số tiền 30.000.000 đồng thì anh C không đóng nữa. Sau đó, tôi có liên hệ với anh C và đồng ý để anh C trả vốn bằng hình thức chuyển khoản (do dịch Covid -19) nhiều lần cho tôi qua tài khoản tên Nguyễn Thị Thu H2 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Kiên Long với tổng cộng số tiền đã chuyển khoản là 15.000.000 đồng. Nay tôi yêu cầu Toà án buộc anh C hoàn trả cho tôi số tiền 60.000.000 đồng, tôi không yêu cầu anh C trả lãi, yêu cầu anh C trả 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật.

*Tại tờ tự khai ngày 18-10-2022 bị đơn anh Phạm Trúc C trình bày:

Anh C thừa nhận có viết biên nhận số tiền 60.000.000 đồng của anh H1 dùm bạn và thoả thuận trả lãi và gốc mỗi tháng 3.000.000 đồng. Sau thời hạn 01 tháng anh C có trả cho anh H1 tiền gốc và lãi mỗi tháng là 3.000.000 đồng. Tính từ tháng 02/2016 đến 01/2018 anh C trả được tổng cộng 63.000.000 đồng. Từ 17/4/2019 đến 03/9/2020 anh C tiếp tục chuyển khoản (do dịch Covid -19) nhiều lần vào số tài khoản Nguyễn Thị Thu H2 tại Ngân hàng Thương Mại cổ phần Kiên Long tổng cộng với số tiền khoản 15.000.000 đồng. Vậy tổng cộng số tiền mà anh C đã trả cho anh H1 là 78.000.000 đồng. Việc anh trả tiền cho anh H1 có nhiều người làm chứng. Anh đã trả số tiền 60.000.000 đồng cho anh H1 xong. Nay ông H1 yêu cầu anh trả số tiền 60.000.000 đồng anh không đồng ý.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thu H2 trình bày: Chị là vợ của anh H1, anh H1 có kêu chị giao cho anh C số tiền 60.000.000 đồng tại quán cà phê nhà chị, anh C có viết biên nhận. Anh C có gởi trả tiền cà phê xem như lãi 3.000.000 đồng/tháng, được khoảng 10 tháng thì anh C ngưng không trả nữa. Sau đó, chị có nhận số tiền anh C chuyển khoản trả 15.000.000

đồng. Chị xác định số tiền 60.000.000 đồng cho anh C mượn là tiền của vợ chồng chị.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn anh Lâm Phú H1 thay đổi yêu cầu khởi kiện, anh H1 đồng ý việc anh C có trả số tiền 15.000.000 đồng mà chị H2 đã nhận. Anh H1 yêu cầu anh C hoàn trả cho anh số tiền vay 45.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Trả 1 lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Chị H2 thống nhất theo yêu cầu của anh H1. Chị yêu cầu anh C trả số tiền 45.000.000 đồng cho vợ chồng chị.

Bị đơn anh Phạm Trúc C vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Anh Phạm Trúc C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

Xét chị H2 (vợ anh H1) có giao anh C số tiền 60.000.000 đồng và có nhận chuyển khoản số tiền 15.000.000 đồng của anh C, chị cũng xác định số tiền cho anh C mượn là tiền của vợ chồng chị. Do đó, để đảm bảo quyền lợi của chị H2, Hội đồng xét xử đưa chị H2 tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh Lâm Phú H1 yêu cầu anh Phạm Trúc C trả số tiền vay là 45.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp Hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự.

[3] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Phạm Trúc C có nơi cư trú tại Khu phố 4, thị trấn P, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang

theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy anh C thừa nhận có vay mượn số tiền của anh chị H1 số tiền là 60.000.000 đồng, có lập bằng văn bản, anh C có ký tên nhận nợ vào biên nhận nợ ngày 20/01/2016. Anh H1 trình bày, anh C tự nguyện trả lãi được khoảng 1 năm số tiền khoản 30.000.000 đồng thì ngưng. Anh C không trả lãi nữa mà hẹn nhiều lần không trả. Năm 2019 anh H1 đồng ý cho anh C trả vốn dần, C có trả được bằng cách chuyển khoản ngân hàng cho vợ anh là chị H2 được số tiền 15.000.000 đồng. Còn nợ lại số tiền 45.000.000 đồng đến nay chưa trả. Bị đơn anh C có lời khai gửi Tòa án trình bày đã trả xong số tiền cho anh H1 và có người làm chứng, nhưng không có chứng cứ gì chứng minh. Tòa án cũng đã nhiều lần mời hòa giải, đối chất việc trả nợ với anh H1, nhưng anh C không đến tham dự và tại phiên tòa hôm nay anh C cũng không có mặt, xem như anh từ bỏ quyền lợi của mình. Căn cứ vào chứng cứ nguyên đơn cung cấp và thừa nhận và các chứng cứ khác có trong hồ sơ thì việc anh H1 khởi kiện yêu cầu anh C trả số tiền vay 45.000.000 đồng là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét về lãi suất: Tại phiên tòa, anh Lâm Phú H1 xác định anh không yêu cầu anh Phạm Trúc C trả số tiền lãi trên số tiền gốc còn nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Xét số tiền 45.000.000 đồng là tiền của vợ chồng chị H2, nên cần buộc anh C có nghĩa vụ trả cho anh H1, chị H2 số tiền trên là phù hợp quy định pháp luật.

[7] Về án phí: Anh C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 463, 466, 357, 468 của Bộ luật Dân sự
- Căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 277, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lâm Phú H1.

Buộc anh Phạm Trúc C trả cho anh Lâm Phú H1 và chị Nguyễn Thị Thu H2 số tiền 45.000.000 đồng (*Bốn mươi lăm triệu đồng*).

Thực hiện nghĩa vụ trả tiền khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thực hiện thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi chậm trả theo khoản 2 Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

- Anh C phải chịu 2.250.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho anh Lâm Phú H1 số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm anh đã nộp 1.500.000 đồng theo biên lai thu số 0003209 ngày 03/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

3. Quyền kháng cáo:

Anh H1, chị H2 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; anh C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phước;
- Chi cục THADS huyện Tân Phước;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thanh Toàn